

Số: 1401 /TB-BVTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Mời chào giá Gói thầu thuốc biệt dược gốc
Mua sắm lần 05 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025

Bệnh viện Từ Dũ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Tổ Đấu thầu- Bệnh viện Từ Dũ.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

ThS.DS. Đào Thị Hoàng Thu – Tổ Đấu thầu.

Điện thoại: (028) 39526568. Line nội bộ 680

Nhận qua Email (file excel): quanlydauthau@tudu.com.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tại địa chỉ: Tổ Đấu thầu (lầu 3 Khu D) - Bệnh viện Từ Dũ. Địa chỉ: 284 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Bản giấy có đóng dấu, ký ghi rõ họ tên).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ giờ phút, ngày 10 / 6 /2025 đến trước 14 giờ 00 phút, ngày 20 / 6 /2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 20 / 6 /2025.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục thuốc có nhu cầu mua sắm:

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
1	Isoleucine ; Leucine ; Lysine (dưới dạng lysine HCl) ; Methionine ; Phenylalanine ; Threonine ; Tryptophan ; Valine ; Arginine ;	Aminoplasma B. Braun 10% E hoặc tương đương	BDG	10% E (Mỗi 250ml chứa: 1,25g + 2,225g + 1,7125g + 1,10g + 1,175g + 1,05g + 0,40g + 1,55g; 2,875g + 0,75g +	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai	50

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
	Histidine ; Alanine; Glycine ; Aspartic acid ; Glutamic acid ; Proline ; Serine ; Tyrosine ; Sodium acetate trihydrate ; Sodium hydroxide ; Potassium acetate ; Magnesium chloride hexahydrate ; Disodium phosphate dodecahydrate .			2,625g + 3,00g + 1,40g + 1,80g + 1,375g + 0,575g + 0,10g + 0,7145g + 0,09g + 0,61325g + 0,127g + 0,89525g.); 250ml				
2	L-Isoleucine + L- Leucine + L- Lysine acetate + L- Methionine + L- Phenylalanine + L- Threonine + L- Tryptophan + L- Valine, L-Alanine + L-Arginine + L- Aspartic acid + L- Histidine + L- Proline + L-Serine + L-Tyrosine + Glycine	Morihepamin hoặc tương đương	BDG	7,58%; 200ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Túi	5
3	Alfuzosin hydroclorid	Xatral XL 10mg hoặc tương đương	BDG	10mg	Viên	Uống	Viên	120
4	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml hoặc tương đương	BDG	150mg/3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Ống	30
5	Atosiban Acetate	Tractocile hoặc tương đương	BDG	7,5mg/ml Atosiban; 5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Lọ	620
6	Bevacizumab	Avastin hoặc tương đương	BDG	100mg/4ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	105
7	Bevacizumab	Avastin hoặc tương đương	BDG	400mg/16ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	100

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
8	Budesonid + Formoterol fumarat dihydrat	Symbicort Turbuhaler hoặc tương đương	BDG	(160mcg + 4,5mcg)/liều; 60 liều	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Hô Hấp	Bình/ch ai/lọ	40
9	Ciprofloxacin	Ciprobay 200 hoặc tương đương	BDG	200mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	170
10	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz hoặc tương đương	BDG	1g	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Lọ	600
11	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate)	Nexium hoặc tương đương	BDG	10mg	Bột/cốm/hạ t pha uống	Uống	Gói	980
12	Filgrastim	Neupogen hoặc tương đương	BDG	30MU/0,5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bơm tiêm	260
13	Goserelin (dưới dạng goserelin acetat)	Zoladex hoặc tương đương	BDG	3,6mg	Thuốc cấy dưới da	Tiêm	Bơm tiêm	60
14	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	Ilomedin 20 hoặc tương đương	BDG	20 mcg/1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Ống	40
15	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5mg)	NovoMix 30 FlexPen hoặc tương đương	BDG	300 U/3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Bút tiêm/ Bơm tiêm/ Xy lanh	260
16	Insulin detemir (rDNA)	Levemir FlexPen hoặc tương đương	BDG	300 U (tương đương 42,6mg)/3 ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bút Tiêm	100
17	Insulin Glargine	Lantus Solostar hoặc tương đương	BDG	300 IU/3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Bơm tiêm/ Bút tiêm/ Xy lanh	10

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
18	Isoleucine; Leucine ; Lysine (dưới dạng lysine HCl) ; Methionine; Phenylalanine; Threonine ; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine ; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide ; Potassium acetate; Sodium chloride ; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasma l B.Braun 5%E hoặc tương đương	BDG	5% (Mỗi 250ml chứa: 0,625g+ 1,1125g + 0,8575g+ 0,55g+ 0,5875g+ 0,525g+ 0,20g+ 0,775g+1,4375g + 0,375g+ 1,3125g+ 1,50g+ 0,70g+ 0,90g+ 0,6875g+ 0,2875g+ 0,10g+ 0,34025g+ 0,035g+ 0,61325g+ 0,241g+ 0,127g+ 0,89525g.); 250ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai	400
19	Isoleucine; Leucine ; Lysine (dưới dạng lysine HCl) ; Methionine; Phenylalanine; Threonine ; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine ; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide ; Potassium acetate; Sodium chloride ; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasma l B.Braun 5%E hoặc tương đương	BDG	5% (Mỗi 250ml chứa: 0,625g+ 1,1125g + 0,8575g+ 0,55g+ 0,5875g+ 0,525g+ 0,20g+ 0,775g+1,4375g + 0,375g+ 1,3125g+ 1,50g+ 0,70g+ 0,90g+ 0,6875g+ 0,2875g+ 0,10g+ 0,34025g+ 0,035g+ 0,61325g+ 0,241g+ 0,127g+ 0,89525g.); 500ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai	210
20	Levobupivacaine	Chirocaine hoặc tương đương	BDG	5mg/1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	770

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
21	Lidocain + Prilocain	Emla hoặc tương đương	BDG	(25mg + 25mg)/1g; 5g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Tuýp	25
22	Lidocain hydroclorid	Xylocaine Jelly hoặc tương đương	BDG	2%; 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Tuýp	500
23	Medium-chain Triglycerides 10,0g/100ml; Soya-bean Oil 10,0g/100ml	Lipofundin MCT/LCT 20% hoặc tương đương	BDG	20%; 250ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai	40
24	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	Lipofundin MCT/LCT 10% hoặc tương đương	BDG	5g/100ml; 5g/100ml; 250ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	10
25	Meropenem	Meronem hoặc tương đương	BDG	1g	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	2.540
26	Meropenem	Meronem hoặc tương đương	BDG	500mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	1.770
27	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol hoặc tương đương	BDG	40mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	2.700
28	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 25mg hoặc tương đương	BDG	23,75 mg Metoprolol succinate tương đương với 25mg Metoprolol tartrate	Viên	Uống	Viên	230
29	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 50mg hoặc tương đương	BDG	47,5 mg metoprolol succinate tương đương với 50mg metoprolol tartrate	Viên	Uống	Viên	84
30	Paclitaxel	Anzatax 100mg/16,7ml hoặc tương đương	BDG	100mg/16,7ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	940
31	Paclitaxel	Anzatax 30mg/5ml hoặc tương đương	BDG	30mg/5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	750

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
32	Phospholipid chiết xuất từ phôi lợn	Curosurf hoặc tương đương	BDG	120mg/1,5ml	Hỗn dịch dùng đường nội khí quản	Nội Khí Quản	Lọ	1.500
33	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,5g	Tazocin hoặc tương đương	BDG	4g + 0,5g	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Lọ	58.500
34	Propofol	Diprivan hoặc tương đương	BDG	1% (10mg/ml); 20ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Ống	4.800
35	Propofol	Diprivan hoặc tương đương	BDG	1% (10mg/ml); 50ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bơm tiêm	200
36	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	Anaropin hoặc tương đương	BDG	5mg/ml; 10ml	Dung dịch tiêm nội tủy mạc (dưới màng nhện)	Tiêm	Ống	5.900
37	Ropivacain hydroclorid	Anaropin hoặc tương đương	BDG	2mg/ml; 20ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Lọ/ống/ chai/túi	2.200
38	Salbutamol + Ipratropium bromid	Combivent hoặc tương đương	BDG	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml; 2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Hô Hấp	Chai/lọ/ ống	110
39	Sevoflurane	Sevorane hoặc tương đương	BDG	100% w/w; 250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Đường Hô Hấp	Chai	320
40	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	Viagra hoặc tương đương	BDG	50mg	Viên	Uống	Viên	70
41	Teicoplanin	Targosid hoặc tương đương	BDG	400mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/tr uyền	Chai/Lọ /Ống	100
42	Tigecyclin	Tygacil hoặc tương đương	BDG	50mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Lọ	300
43	Budesonide	Pulmicort Respules hoặc tương đương	BDG	500 mcg/2 ml	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung	Hô Hấp	Ống	250

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
44	Enoxaparin sodium	Lovenox hoặc tương đương	BDG	4000 anti-Xa IU/0,4ml (40mg/0,4ml)	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Bơm tiêm/Xy lạnh	2450
45	Enoxaparin sodium	Lovenox hoặc tương đương	BDG	6000 anti-Xa IU/0,6ml (60mg/0,6ml)	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Bơm tiêm/Xy lạnh	250
46	Insulin aspart	Novorapid Flexpen hoặc tương đương	BDG	300U/3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bút Tiêm	130
47	Insulin lispro (insulin lispro 25%; insulin lispro protamine 75%)	Humalog Mix 75/25 Kwikpen hoặc tương đương	BDG	300U/3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Bơm tiêm/ Bút tiêm/Xy lạnh	20
48	Insulin lispro (trong đó 50 % là dung dịch insulin lispro và 50% là hỗn dịch insulin lispro protamine)	Humalog Mix 50/50 Kwikpen hoặc tương đương	BDG	300U/3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bơm tiêm/ Bút tiêm/Xy lạnh	30
49	Iohexol	Omnipaque hoặc tương đương	BDG	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml; 50ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ ống/gói	110
50	Iohexol	Omnipaque hoặc tương đương	BDG	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml; 100ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ ống/gói	60
51	Iopromid acid	Ultravist 300 hoặc tương đương	BDG	623,40mg/ml; 50 ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ ống/gói	110
52	Iopromid acid	Ultravist 300 hoặc tương đương	BDG	623,40mg/ml; 100 ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ ống/gói	60
53	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300 hoặc tương đương	BDG	30g/100ml; 100ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	170
54	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300 hoặc tương đương	BDG	30g/100ml; 50ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ /Ống	340
55	Linezolid	Zyvox hoặc tương đương	BDG	600mg/300ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Túi	260

S T T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Phân nhóm kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm (dự kiến)
56	Phospholipid	Survanta hoặc tương đương	BDG	25mg/ml; 4ml	Hỗn dịch dùng đường nội khí quản	Nội Khí Quản	Lọ	1200
57	Valproat natri + Valproic acid	Depakine Chrono hoặc tương đương	BDG	333mg + 145mg	Viên	Uống	Viên	100

2. Nội dung yêu cầu: Bảng báo giá theo mẫu (Gửi bản giấy tới Tổ Đấu thầu-Bệnh viện Từ Dũ và file excel qua email quanlydauthau@tudu.com.vn)

															Căn cứ báo giá		
S T T	STT theo TT 20/2022	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày, quy cách đóng gói	Số ĐK/ GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đ V T	Nhóm TCKT	Giá KK	Đơn giá (VNĐ) (đã có VAT)	Tên CSYT, số QĐTT, ngày QĐTT (trong vòng 12 tháng)	Số lượng đã trúng thầu	Đơn giá đã trúng thầu

Lưu ý: Công ty có thể báo giá các thuốc tương tự: cùng hoạt chất, cùng hoặc khác hàm lượng, dạng bào chế, đơn vị tính.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các Công ty;
- Lưu: VT, HCQT (Tổ Đấu thầu).

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Trần Ngọc Hải